

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2026/DS-ST
Ngày: 11/6/2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhạn

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc **“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 (T3)

Địa chỉ: Tòa nhà T, số E phố L, phường C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Minh T – Chuyên viên xử lý nợ khách hàng cá nhân.

Bị đơn: Ông Bùi Hoàng T1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khóm A, phường G, tỉnh Cà Mau.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2025 và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào hợp đồng cho vay theo hạn mức số 357/2023/HDTD/TTB.PQC, ngày 11/9/2023 thể hiện ông T1 vay của Ngân hàng với số tiền là 1.970.000.000đ,

thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất vay trong hạn là 08%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay tại thời điểm nợ quá hạn. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/4/2025 nên khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số 06/2024/HDTD/TOPUP.PQC, ngày 21/12/2023 thể hiện ông T1 vay của Ngân hàng với số tiền là 170.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay: mua sắm trang thiết bị nội thất trong gia đình; lãi suất vay trong hạn áp dụng trong khoản thời gian vay vốn bằng lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng T3, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay tại thời điểm nợ quá hạn. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/4/2025 nên khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số 17/2024/HDTD/TOPUP.PQC, ngày 13/8/2024 thể hiện ông T1 vay của Ngân hàng với số tiền là 66.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay: mua sắm trang thiết bị nội thất trong gia đình; lãi suất vay trong hạn áp dụng trong khoản thời gian vay vốn bằng lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng T3, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay tại thời điểm nợ quá hạn. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/4/2025 nên khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Để đảm bảo các khoản vay nêu trên, ngày 11/9/2023 ông T1 đã ký hợp đồng thế chấp số 308/2023/HDBD/TTB.PQC, thế chấp cho Ngân hàng phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 12.105,2 m², thửa số 203, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (nay là Khóm A, phường G, tỉnh Cà Mau).

Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/4/2025 nên các khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T1 trả số tiền vay tính đến ngày 11/6/2026 tổng cộng là 2.563.403.417 đồng (trong đó gốc là 2.180.832.106đ, lãi trong hạn là 131.075.088đ, lãi quá hạn là 251.496.224) và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 12/6/2026 cho đến khi ông T1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên. Đối với số tiền lãi chậm trả là 11.005.657đ, Ngân hàng rút lại phần yêu cầu này.

Bị đơn ông Bùi Hoàng T1 từ khi Tòa án thụ lý đến khi mở phiên tòa xét xử, ông T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn chưa chấp hành khoản 16, 17 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi chậm trả số tiền 11.005.657đ. Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Bùi Hoàng T1, bị đơn có địa chỉ tại phường G, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

Căn cứ vào hợp đồng cho vay theo hạn mức số 357/2023/HDTD/TTB.PQC, ngày 11/9/2023 thể hiện ông T1 vay của Ngân hàng với số tiền là 1.970.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất vay trong hạn là 08%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay tại thời điểm nợ quá hạn. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/4/2025 nên khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số 06/2024/HDTD/TOPUP.PQC, ngày 21/12/2023 thể hiện ông T1 vay của Ngân hàng với số tiền là 170.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay: mua sắm trang thiết bị nội thất trong gia đình; lãi suất vay trong hạn áp dụng trong khoản thời gian vay vốn bằng lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng T3, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay tại thời điểm nợ quá hạn. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/4/2025 nên khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Căn cứ vào hợp đồng cho vay số 17/2024/HDTD/TOPUP.PQC, ngày 13/8/2024 thể hiện ông T1 vay của Ngân hàng với số tiền là 66.000.000đ, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay: mua sắm trang thiết bị nội thất trong gia đình; lãi suất vay trong hạn áp dụng trong khoản thời gian vay vốn bằng lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng T3, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay tại thời điểm nợ quá hạn. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/4/2025 nên khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho ông T1, nhưng ông T1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, hơn nữa trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T1 không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, mặc dù Tòa án đã thông báo cho ông T1 tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng vẫn không nhận được ý kiến của ông T1. Từ đó, có căn cứ xác định việc ông T1 có vay và hiện còn nợ Ngân hàng là có xảy ra trên thực tế, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ của người vay là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Từ đó yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T1 trả nợ vay là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo các khoản vay nêu trên, ông T1 đã ký hợp đồng thế chấp số 308/2023/HDBD/TTB.PQC ngày 11/9/2023. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông T1 với Ngân hàng được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, được chứng thực và đăng ký tài sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Theo quy định pháp luật và cam kết trong Hợp đồng tín dụng, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ trong Hợp đồng tín dụng. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng để buộc ông Bùi Hoàng T1 có nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 11/6/2026 tổng cộng là 2.563.403.417 đồng (trong đó gốc là 2.180.832.106đ, lãi trong hạn là 131.075.088đ, lãi quá hạn là 251.496.224đ).

Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền tiền lãi chậm trả là 11.005.657đ, xét thấy, việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu trên là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của Ngân hàng.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã chi phí hết số tiền 800.000đ. Ngân hàng không phải chịu; Ngân hàng đã dự nộp số tiền 5.000.000đ được chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 4.200.000đ. Buộc ông T1 nộp 800.000đ để hoàn trả cho Ngân hàng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Bùi Hoàng T1 phải nộp án phí đối với yêu cầu của ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Ngân hàng không phải chịu án phí.

[8] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 238, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T2:

Buộc ông Bùi Hoàng T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 số tiền vay tính đến ngày 11/6/2026 tổng cộng là 2.563.403.417 đồng (trong đó gốc là 2.180.832.106đ, lãi trong hạn là 131.075.088đ, lãi quá hạn là 251.496.224đ).

Kể từ ngày 12/6/2026, ông Bùi Hoàng T1 còn phải chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay theo hạn mức số 357/2023/HDTD/TTB.PQC, ngày 11/9/2023; hợp đồng cho vay số 06/2024/HDTD/TOPUP.PQC, ngày 21/12/2023; hợp đồng cho vay số 06/2024/HDTD/TOPUP.PQC, ngày 21/12/2023.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông T1 trả số tiền lãi chậm trả là 11.005.657 đồng.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1 không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 308/2023/HDBD/TTB.PQC ngày 11/9/2023 để thu hồi nợ gồm: phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 12.105,2 m², thửa số 203, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại Khóm A, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (nay là Khóm A, phường G, tỉnh Cà Mau).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông T1 nộp 800.000đ để hoàn trả cho Ngân hàng. Ngân hàng đã dự nộp 5.000.000đ theo phiếu thu số 54 ngày 17/11/2025 được chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 4.200.000đ theo phiếu chi của Tòa án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: H lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 38.686.000đ tại biên lai thu số 0002789 ngày 21/10/2025 của phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau). Buộc ông Bùi Hoàng T1 nộp số tiền 83.268.068đ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã đóng dấu, ký tên)

Tạ Văn Cung